

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa của Công ty cổ phần Phát triển đô thị Bắc Miền Trung.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 7073/QĐ-UBND ngày 02/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Bắc Miền Trung;

Theo Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 2573/STNMT - BVMT ngày 9/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa của Công ty cổ phần phát triển đô thị Bắc Miền Trung;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 42/CV-BMT ngày 26/4/2021 của Công ty cổ phần phát triển đô thị Bắc Miền Trung;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 305/Tr-STNMT ngày 29/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Phát triển đô thị Bắc Miền Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển đô thị Bắc Miền Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa
của Công ty cổ phần phát triển đô thị Bắc Miền Trung

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.

+ Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phát triển đô thị Bắc Miền Trung.

+ Đại diện: Ông: Lê Quý Anh - Chức vụ: Giám đốc

+ Địa chỉ: 105 Trần phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 0888 963 636

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 17.117m² với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, bãi để xe; xây thô hoàn thiện mặt trước công trình nhà ở thương mại thấp tầng (cao 4 tầng): 52 lô đất; xây dựng công trình chung cư nhà ở xã hội gồm 03 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên: 12 tầng + 01 tầng hầm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 4,60 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày); Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 6,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 13.310m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên, vật liệu... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 55,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật có khoảng 56,8 tấn; Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa là: 4.075,1m³; Mảnh sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, sắt thép, tôn các loại 253,3 tấn; Vật liệu trong xây dựng rơi vãi: 68,3 tấn; Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng: 7.606,62m³ tương ứng 10.649 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 46,8 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 39 lít/toàn bộ quá trình thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 370,1m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải tắm, rửa tay, giặt: 210,3m³/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 126,2m³/ngày; Nước thải ăn uống: 33,6m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 33.386m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải do phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, hệ thống cống rãnh thu gom thoát nước... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư bao gồm: Khu nhà liền kề 230 kg/ngày, khu nhà ở xã hội: 1.870kg/ngày, người bảo vệ tại dự án: 4,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Bùn thải từ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước tại dự án có khoảng 58,1 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình vệ sinh khu vực công cộng, cảnh quan có khoảng 200kg/ngày.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án có khoảng 3,16kg/ngày. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,6 \text{m} \times 0,5 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung khu vực dự án về phía Đông và phía Nam.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trang bị 01 máy bơm nước hố móng để tránh hiện tượng ngập úng khi có mưa.

*** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom xử lý tại hố lắng nước thải xây dựng có dung tích 9m^3 (kích thước $3,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) bố trí tại khu lán trại để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có kích thước: Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít; Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng, bể có dung tích 9m^3 (kích thước $3,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành chống thấm trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh các tuyến đường xung quanh khu đất dự án trong phạm vi bán kính 200m.

- Phun tưới nước 04 lần/ngày và tăng tần suất nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét tuyến đường CSEDP đoạn dẫn vào dự án trong phạm vi 300m.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 538m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn tuyến CSEDP phía Đông dự án trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Bắc và Đông dự án.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- **Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:**

+ Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định;

+ Nguyên vật liệu vận chuyển rơi vãi trong dự án được thu gom tận dụng để lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án;

+ Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu, phần thừa còn lại là các thành phần như ván gỗ chủ đầu tư thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định;

+ Đất dư thừa từ quá trình san nền, đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng vận chuyển đến ao nhà máy gạch Mai Chũ, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại: 01 thùng dung tích 100 lít để chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng dung tích 50 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại kho chứa của khu lán trại. Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* **Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh: Đối với 52 lô nhà ở thương mại: Xây 52 bể tự hoại (dung tích: 2m³/bể); Đối với 03 khu nhà chung cư nhà ở xã hội: Xây dựng mỗi khu nhà 04 bể tự hoại (dung tích: 35m³/bể).

- Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn: Đối với 52 lô nhà ở thương mại: Xây 52 bể tách dầu mỡ (dung tích: $0,2\text{m}^3/\text{bể}$); Đối với mỗi căn hộ chung cư của nhà ở xã hội: Xây dựng mỗi căn hộ 01 bể tách dầu mỡ (dung tích: $0,2\text{m}^3/\text{bể}$).

- Lắp đặt lưới chắn rác tại vị trí thu nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hồ gom dung tích 400m^3 bố trí ngầm tại khu vực khuôn viên cây xanh góc phía Nam khu nhà ở xã hội trước khi bơm đẩy vào hệ thống thoát nước chung dọc tuyến đường CSEDP phía Đông dự án và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Thanh Hóa để xử lý trước khi thải ra môi trường;

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước trong nhà, đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của dự án và dẫn vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Xây dựng hồ thu tập trung dung tích 400m^3 bố trí ngầm tại khu vực khuôn viên cây xanh góc phía Nam khu nhà ở xã hội; trang bị bơm đẩy cưỡng bức để bơm nước thải vào hệ thống thoát nước chung khu vực và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý. Nước thải sau các công trình xử lý bậc 1 (bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) tại dự án phải đạt chất lượng nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

- Bố trí nguồn kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống thu gom thoát nước tại dự án.

- Thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- *Tránh nhiệm của hộ dân:*

+ Khuyến khích tại mỗi căn liền kề của các hộ dân sẽ tự trang bị 01 hệ thống hút mùi, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường tại bếp nấu.

+ Thu gom, phân loại rác tại nguồn, không để rác tồn lưu lâu gây phát sinh mùi.

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

- *Trách nhiệm của Chủ đầu tư:*

+ Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch.

+ Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường khu vực sử dụng xe xi téc phun tưới nước làm ẩm mặt đường, vỉa hè khu vực dự án.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom thoát nước thải khu vực dự án, nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh để hạn chế mùi hôi.

+ Thường xuyên phun hóa chất khử mùi, bổ sung chất phẩm sinh học tại khu tập kết CTR của dự án.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Xây dựng khu tập kết chất thải rắn bố trí tại góc khuôn viên cây xanh phía Tây Bắc, khu tập kết có diện tích $60m^2$, xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 04 thùng dung tích $0,5m^3$ /thùng có nắp đậy và bánh xe đẩy.

+ Bố trí 24 thùng chứa rác thải sinh hoạt công cộng loại 100 lít trong khuôn viên cây xanh;

+ Định kỳ 02 lần/ngày cử tổ vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng chứa rác tại dự án và đưa về khu tập kết chất thải rắn chung của dự án.

+ Thuê đơn vị môi trường có chức năng định kỳ nạo vét thường xuyên, hệ thống cống rãnh, bùn bể tự hoại khu vực công cộng: 3-6 tháng/lần, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án với tần suất 01 lần/ngày.

- Trách nhiệm của các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp:

+ Thực hiện phân loại rác tại nguồn;

+ Khu vực bếp nấu các công trình khuyến khích bố trí trang bị thùng đựng rác chứa thức ăn thừa.

+ Rác từ các tầng của khu nhà ở xã hội được các hộ dân đưa vào ô thang rác để vận chuyển xuống tầng hầm, tại đây bố trí các xe thùng vận chuyển cuối ngày tổ môi trường khu vực đến thu gom và vận chuyển đến khu nhà tập kết CTR của dự án.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Xây dựng khu tập kết CTNH diện tích $40m^2$ xây tường bao che, mái lợp tôn che chắn, bên trong bố trí 02 thùng (dung tích $0,3 m^3$ /thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định.

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen dọc tuyến đường nội bộ và khu vực công cộng trong khu vực dự án.

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

- Trách nhiệm của các hộ dân trong khu dân cư, các nhà đầu tư thứ cấp

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do chủ đầu tư bố trí.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

*** Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ K1: Tại khu vực lán trại công nhân.

+ K2: Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻, Tổng N, Tổng P, PO₄³⁻, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu:

+ NT: Nước thải sau bể lắng nước thải xây dựng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

Quy chuẩn áp dụng: Chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển toàn diện kinh tế, xã hội thành phố Thanh Hóa, Hợp phần 3: Thoát nước và xử lý nước thải).

*** Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động:**

a. Giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* BOD₅, TSS, NH₄⁺, tổng N, dầu mỡ động thực vật, photpho, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí

+ NT: 01 mẫu nước thải sau hồ thu tập trung phía Nam dự án trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố Thanh Hóa.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

Chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (theo báo cáo đánh giá tác động môi

trường Dự án phát triển toàn diện kinh tế, xã hội thành phố Thanh Hóa, Hợp phần 3: Thoát nước và xử lý nước thải)/.